

SỰ THAM GIA THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC HỘ DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG BIÊN GIỚI ĐÔNG BẮC VIỆT NAM

Trần Viết Khanh^{1*}, Vũ Văn Anh²

¹Đại học Thái Nguyên, ²Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Nghiên cứu về phát triển kinh tế thị trường nói chung và thị trường vùng cao biên giới nói riêng đòi hỏi một cách tiếp cận khoa học và sáng tạo, vừa phải tôn trọng những qui luật phổ biến của nền kinh tế thị trường cả nước, vừa phải tính tới tính đặc thù của vùng cao biên giới có trình độ phát triển thấp, khó khăn về cơ sở hạ tầng giao thông, kinh tế, xã hội; vừa phức tạp về quốc phòng và an ninh. Bài báo này đề cập tới ba vấn đề: (i) Nhận thức chung; (ii) Sự tham gia thị trường của các hộ dân tộc thiểu số vùng biên giới Đông Bắc; (iii) Một số giải pháp kích hoạt sự tham gia thị trường vùng biên giới. Việc nghiên cứu đặc điểm phổ biến và đặc thù của kinh tế thị trường vùng cao sẽ đem lại sự phát triển đột phá trong nghiên cứu địa lí kinh tế vùng.

Từ khóa: thị trường, biên giới, Đông Bắc, dân tộc, thiểu số

ĐẶT VẤN ĐỀ

Vùng dân tộc và miền núi chiếm gần 3/4 diện tích tự nhiên của Việt Nam, là địa bàn sinh sống của 54 dân tộc với trên 13 triệu người, chiếm 14,28% dân số cả nước. Vùng dân tộc và miền núi là nơi tập trung tài nguyên, khoáng sản và tiềm năng lớn về thủy điện, là đầu nguồn của hàng ngàn sông, suối, cung cấp nước ngọt, duy trì cân bằng sinh thái, điều kiện khí hậu nhiều tiểu vùng thuận lợi cho việc phát triển nông, lâm nghiệp và chăn nuôi. Tuy nhiên, vùng dân tộc và miền núi còn gặp nhiều khó khăn, thách thức: địa hình vùng dân tộc và miền núi rất phức tạp, hiểm trở, thường xuyên chịu ảnh hưởng và tác động lớn của thiên tai, lũ lụt hạn chế lớn cho việc mở rộng giao lưu, nhất là những vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Nhiều vùng có độ dốc lớn, đất đai bị xói mòn, bạc màu, cằn cỗi (nhất là khu vực Tây Bắc, Đông Bắc và miền Trung). Về kinh tế, xã hội, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc và miền núi còn chậm phát triển. Vùng cao biên giới Việt - Trung với tên gọi khác nhau, nhưng về bản chất vẫn là vùng dân tộc thiểu số chậm phát triển, hiện gặp nhiều khó khăn. Trong những năm gần đây, khu vực vùng cao biên giới đã đạt được

những kết quả đáng khích lệ, tuy nhiên theo chúng tôi, vẫn đề cốt lõi về mặt lí thuyết và thực tiễn cần được làm rõ, đó là quan điểm và cách tiếp cận thị trường vùng cao nhất là sự tham gia thị trường của các hộ dân tộc thiểu số.

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN Nhận thức chung

Khái niệm thị trường

Xét về mặt lịch sử, thị trường xuất hiện và phát triển cùng với sự phát sinh, phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hoá. Mới đầu là sự trao đổi trực tiếp bằng hiện vật, sau này khi tiền tệ ra đời và đóng vai trò trung gian, tiền tệ giữ chức năng định giá cho mọi hàng hoá trao đổi trên thị trường. Ở Việt Nam, từ khi chuyển sang cơ chế kinh tế mới, thuật ngữ thị trường được sử dụng rất rộng rãi trong hoạt động thực tiễn và trên các sách báo kinh tế. Với những cách thức sử dụng thuật ngữ thị trường theo những ngụ ý khác nhau, đã hình thành những cụm từ đa dạng: Thị trường đầu vào, thị trường đầu ra, thị trường phân bón, thị trường lúa gạo... gần đây cũng xuất hiện những cụm từ tương tự để chỉ những thị trường cao cấp đang hình thành ở nước ta như: Thị trường vốn, thị trường tài chính nông thôn, thị trường chứng khoán v.v... Người ta lại cũng có thể sử dụng thuật ngữ thị trường thể hiện khía cạnh vị trí không gian

* Tel: 0912 187118

của sự trao đổi hàng hoá như: thị trường nông thôn, thị trường thành phố, thị trường nội địa, thị trường quốc tế, thị trường khu vực ASEAN.

Những đặc điểm môi trường địa lý vùng cao qui định tính đặc thù của nền kinh tế thị trường vùng cao trong khi chịu sự chi phối chung, cuối cùng và phổ biến của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế. Tính đặc thù đó được nhận diện qua các yếu tố cơ bản cấu thành thị trường vùng cao biên giới. Đặc biệt với địa bàn biên giới Đông Bắc được nhận diện là thị trường đầu ra nông sản. *Sự tham gia của các hộ dân tộc thiểu số vùng biên giới Đông Bắc được xem xét chính trong khía cạnh tỷ lệ tiêu dùng sản phẩm nông sản và phương thức tiêu thụ sản phẩm của hộ sản xuất.*

Khái niệm hộ sản xuất

Hộ sản xuất là một đơn vị kinh tế mà các thành viên đều dựa trên cơ sở kinh tế chung, các nguồn thu nhập do các thành viên cùng tạo ra và cùng sử dụng chung. Quá trình sản xuất của hộ được tiến hành một cách độc lập và điều quan trọng là các thành viên của hộ thường có cùng huyết thống, thường cùng chung một ngôi nhà, có quan hệ chung với nhau, họ cũng là một đơn vị để tổ chức lao động. [7] [6]

Để phù hợp với chế độ sở hữu khác nhau giữa các thành phần kinh tế (quốc doanh và ngoài quốc doanh) và khả năng phát triển kinh tế từng vùng (thành thị và nông thôn), theo phụ lục của ngân hàng nông nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo quyết định 499A TDNH ngày 02/09/1993 thì khái niệm hộ sản xuất được nêu như sau: "*Hộ sản xuất là một đơn vị kinh tế tự chủ, trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh, là chủ thể trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình*". Như vậy, hộ sản xuất là một hình thức sản xuất (đa thành phần) phổ biến ở nông thôn.

Đặc điểm thị trường vùng biên giới Đông Bắc

Không gian lãnh thổ vùng biên giới Đông Bắc Việt Nam bao gồm 4 tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai với tổng diện tích là 29.327,5 km² (10,6% diện tích cả nước). Số dân là 2.697,2 nghìn người (năm 2013) chiếm khoảng 4,3% dân số cả nước.

Các tỉnh biên giới của vùng Đông Bắc là những tỉnh thuộc diện chính sách vùng cao biên giới, là địa bàn cư trú chủ yếu của đồng bào dân tộc thiểu số với tỉ lệ cao trong tổng dân số của tỉnh, trình độ phát triển còn nhiều hạn chế. Nhiều huyện, xã, thôn thuộc diện nghèo, đặc biệt khó khăn. Thu nhập bình quân nhân khẩu còn ở mức rất thấp (Bảng 1).

Bảng 1. Dân số, dân tộc và tỷ lệ nghèo một số tỉnh biên giới vùng Đông Bắc Việt Nam

Chỉ tiêu	Hà Giang	Cao Bằng	Lào Cai	Lạng Sơn
1. Diện tích (km ²)	7914.9	6703.4	6383.9	8320.8
2. Tổng số dân (nghìn người)	802.0	522.4	674.5	757.9
3. Mật độ dân số (người/km ²)	101	78	106	91
4. Tổng số dân tộc	28	27	33	32
5. Tỷ lệ dân tộc trên tổng dân số toàn tỉnh (%)	86.8	93.7	65.1	83
6. Dân tộc chiếm số đông nhất	Mông	Tày	Mông	Nùng
7. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới (%)	50,0	38.1	40	27.5
8. Số huyện điện 30a	6	6	5	-
9. Số xã nghèo (diện 135 mới)	141	148	113	111
10. Số thôn đặc biệt khó khăn	26	23	29	76
11. Diện chính sách vùng	Vùng cao biên giới	Vùng cao biên giới	Vùng cao biên giới	Miền núi biên giới

Nguồn: Tổng điều tra Dân số và Nhà ở (1/4/2009); Niên giám thống kê 2015

Cản trở chính đối với việc mở rộng kinh tế thị trường ở miền núi là sự thiếu vắng các cơ quan chuyên trách, các phương tiện vật tư và các tài nguyên cần thiết để hỗ trợ hoạt động thương mại. Chỉ có 37% các xã có chợ, mặc dù có chợ nhưng sức mua rất thấp. Những người không có khả năng sản xuất ra bất kỳ thứ gì để bán hay không thể mang hàng hoá ra chợ sau mùa vụ thì không thể có tiền mặt. Đây là một vòng luẩn quẩn trong đó mọi cố gắng để tăng sản xuất đều gặp khó khăn vì thiếu chợ, nhưng việc phát triển các chợ lại bị hạn chế bởi thiếu sản phẩm để bán. Ngoài việc không có thị trường ổn định hoặc giá cả thu mua còn rẻ không bù đắp được chi phí sản xuất, nên đời sống của nhân dân không được đảm bảo, sản xuất bị đình đốn.

Thị trường các yếu tố đầu vào như thị trường đất đai, thị trường sức lao động, thị trường tài chính (thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường chứng khoán), thị trường khoa học - công nghệ, thị trường hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đang hình thành.

Theo chúng tôi, đối với vùng biên giới vùng cao cần chú ý một số vấn đề trong sự tương tác giữa các thành phần trong hệ sinh thái - nhân văn, với các yếu tố chính như sau: (1) điều kiện tự nhiên phức tạp; (2) dân cư, dân số đa dạng và tăng nhanh; (3) môi trường suy thoái; (4) cơ sở hạ tầng nghèo nàn; (5) thông tin, thị trường yếu kém; (6) học vấn thấp; (7) nghèo đói; (8) chính sách chưa phù hợp. (9) Sức ép hội nhập và cạnh tranh ngày càng cao. [7].

Sự tham gia thị trường của các hộ dân tộc thiểu số vùng biên giới Đông Bắc

Thực tiễn phát triển kinh tế thị trường địa bàn biên giới Đông Bắc cho thấy sự tương phản sâu sắc giữa: (a) nền kinh tế mang tính tự nhiên, lạc hậu, chủ yếu là nông nghiệp nương rẫy, tự cấp tự túc, năng suất thấp, tỉ lệ đói nghèo cao; hầu hết các huyện vùng cao đều thuộc diện huyện đặc biệt khó khăn (điện huyện 30a) và (b) sự phát triển của thị trường

nội địa, chủ yếu là hệ thống chợ, các trung tâm thương mại thị trấn, thị xã, cửa khẩu, chợ đường biên hai bên quốc giới. Thương lái Trung Quốc chi phối sâu sắc thị trường các địa phương vùng cao của các tỉnh, qua đó thao túng thị trường nội địa của Việt Nam.

Cuộc sống của các dân tộc thiểu số như Mông, Dao, vẫn phụ thuộc khá nhiều vào khai thác nguồn lợi tự nhiên, nhất là từ rừng. Nếu trước đây, độ che phủ và nguồn lợi của rừng còn cao, các hoạt động khai thác có thể gần như vô hại thì nay với việc rừng đang bị kiệt quệ do các hoạt động khai thác quá mức, các sản phẩm tự nhiên cũng ngày càng khan hiếm hơn thì các hoạt động săn bắn, hái lượm, đốt rừng làm nương rẫy, thậm chí chặt gỗ trái phép sẽ không chỉ làm cho nguồn lợi tự nhiên cạn kiệt, dẫn đến nguy cơ tận diệt mà còn ảnh hưởng đến môi trường và sự an toàn của chính cộng đồng.

Theo kết quả điều tra, gần như 100% hộ gia đình đều rất khó khăn về yếu tố thị trường, bao gồm: giá thị trường (chủ yếu là giá chợ); phương thức tham gia thị trường (chủ yếu tại nhà, tại vườn), đối tác thị trường kinh tế (thương lái). Do đó việc tái cơ cấu khu vực kinh tế tại các địa phương vùng cao biên giới chính là rất cần thiết để hỗ trợ cho khu vực kinh tế hộ kích hoạt năng lực cũng như điều kiện tham gia thị trường.

Bảng 2. Sự tham gia thị trường sản phẩm nông nghiệp khu vực kinh tế hộ (%)

(Trường hợp huyện Xín Mần, Hà Giang)

Vật nuôi, cây trồng	Tỷ lệ tiêu dùng nội bộ	Tỷ lệ bán
Lợn	29.85	70.15
Trâu	80.00	20.00
Gà	64.59	35.41
Đê	71.43	28.57
Vật nuôi khác	85.16	18.84
Cây ăn quả	65.52	34.48
Cây dược liệu	45.35	54.65
Cây khác	80.25	19.75

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả điều tra

Số liệu điều tra cho thấy, các sản phẩm nông nghiệp khó tiếp cận thị trường dẫn đến việc trao đổi, mua bán sản phẩm hết sức khó khăn, phần lớn các nông hộ đều tự cấp tự túc. Phương thức tiêu thụ sản phẩm phần lớn là tại nhà và dựa vào thương lái. Các hộ dân tộc thiểu số phần lớn thiếu thông tin về thị trường, tiếp cận thị trường kém nên sự tham gia thị trường ở mức độ rất hạn chế.

Bảng 3. Phương thức tiêu thụ sản phẩm của hộ (%) (Trường hợp huyện Xin Mần, Hà Giang)

Hình thức	Lợn	Gia cầm	Dược liệu	Cây ăn quả	Cam	
Tại nhà	94.3	29.6	21.95	58.89	5.45	
Tại chợ	5.97	70.84	51.22	10.0	25.80	
Địa điểm	Tại điểm thu gom	0	17.07	25.56	9.67	
	Tại vườn	0	9.76	4.45	58.06	
	Thương lái	100%	100%	100%	100%	
Thông tin giá cả:	Biết trước	79.11	72.92	80.48	72.22	41.93
Giá chợ	Biết sau	28.89	27.08	19.52	27.789	58.07

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả điều tra

Như vậy, rõ ràng sự tham gia thị trường kém và hạn chế dẫn đến việc thiếu vốn, thiếu thông tin, không phát huy được tiềm năng các nguồn lực và tài nguyên thiên nhiên. Nguyên nhân một phần là do tập quán sản xuất lạc hậu ảnh hưởng đến phát triển sinh kế. Người dân không có thói quen xây dựng kế hoạch sản xuất của gia đình, mà chủ yếu làm theo cộng đồng xung quanh. Mặt khác, dân ông thường giữ vai trò chủ hộ và là người ra quyết định chính trong mọi công việc. Các dân tộc thiểu số đặc biệt dân tộc Mông và Dao cũng nằm trong xu thế này, với gần 50% ý kiến các hộ cho rằng các quyết định trong sản xuất đều do người chồng đưa ra, chỉ có một số ít hộ (dân tộc Mông: 2,78%, Dao: 6,67%) là do phụ nữ quyết định.

Đề xuất giải pháp kích hoạt sự tham gia thị trường của khu vực kinh tế hộ vùng đồng bào các dân tộc biên giới (trường hợp tỉnh Hà Giang)

Theo phân loại trình độ phát triển, tỉnh Hà Giang, cũng như các tỉnh Cao Bằng, Lào Cai thuộc diện vùng cao biên giới, trong đó 6 huyện biên giới vùng cao thuộc diện đặc biệt khó khăn. Thuộc tỉnh đặc biệt khó khăn đó buộc chúng ta phải xem xét các nhân tố cung - cầu một cách đặc thù trong sự phát triển thị trường vùng cao.

Theo chúng tôi, giải pháp kích hoạt sự tham gia thị trường của các hộ dân tộc thiểu số vùng biên

giới Hà Giang phải bắt đầu từ sự tạo lập các yếu tố cung cầu cốt lõi sau đây: [6]

Thứ nhất, đẩy nhanh chương trình giảm nghèo đa chiều bền vững. Giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, mục tiêu mà công tác xóa đói giảm nghèo hướng tới. Các chương trình, chính sách hỗ trợ thúc đẩy hộ nghèo vươn lên thoát nghèo được triển khai hàng năm. Hà Giang được đánh giá là địa phương thực hiện tốt công tác giảm nghèo. Tính từ năm 2011 đến nay, toàn tỉnh giảm được hơn 32.368 hộ nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 41.8% xuống còn 18.09%. Qua đánh giá từ kết quả điều tra, rà soát, các hộ nghèo ở đây chủ yếu là thiếu hụt về vốn, đất sản xuất và sự hiểu biết khoa học kỹ thuật.

Thứ hai, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới. Mục tiêu tổng quát của xây dựng nông thôn mới (XDNTM) có kết cấu hạ tầng KT - XH phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh, trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.

Thứ ba, triển khai tái cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp là một hợp phần quan trọng của tái cơ cấu tổng thể

kinh tế quốc dân, phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của cả nước, gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường vùng cao tỉnh Hà Giang cần chú ý một số giải pháp chính sau đây: (i) rà soát lại qui hoạch, kế hoạch quản lý giám sát năng lực nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước với qui hoạch sản xuất nông nghiệp. Điều chỉnh bổ sung qui hoạch sản xuất nông nghiệp, trồng rừng trên cơ sở phát huy sản phẩm lợi thế vùng miền; (ii) Khuyến khích tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia vào chuỗi giá trị nông sản (cung ứng vật tư, dịch vụ kỹ thuật, thu mua, chế biến tiêu thụ sản phẩm nông sản hàng hóa, Huy động nhiều vốn : ngân sách, doanh nghiệp, nông dân, ...) đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, thâm canh sản xuất nông nghiệp. (iii) Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đầu tư công; (iv) Cải cách thể chế kinh tế nông thôn; sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống chính sách.

Thứ tư, Tỉnh Hà Giang có một số lợi thế quan trọng cho phát triển thương mại biên giới. Phát huy lợi thế này, nền kinh tế thị trường vùng cao Hà Giang cần chú ý những vấn đề sau: (i) Với tiềm năng là cửa khẩu Thanh Thủy đã được nâng cấp thành cửa khẩu Quốc tế, đó là một thế mạnh để phát triển kinh tế cửa khẩu. Giai đoạn 2015-2020, tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng cửa khẩu Thanh Thủy, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu liên hợp, khu chế xuất, kho ngoại quan... (ii) Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng các cửa khẩu gồm: Cửa khẩu Săm Pun huyện Mèo Vạc), cửa khẩu Xin Mần (huyện Xin Mần) đáp ứng đủ điều kiện để nâng cấp và công nhận là cửa khẩu quốc gia theo hiệp định quản lý cửa khẩu biên giới Việt Nam - Trung Quốc; (iii) Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đối với các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ... đảm bảo phục vụ vận tải hành khách và các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp được thuận lợi; (iv) Từng bước cải tạo và nâng cấp hệ

thống chợ, trước hết là các chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu, chợ các xã biên giới nhằm thúc đẩy giao lưu, trao đổi hàng hoá cư dân biên giới. (v) Tăng cường các hoạt động đối ngoại với chính quyền và lực lượng bảo vệ biên giới nước láng giềng tạo không khí cởi mở, hợp tác trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ góp phần xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân hai bên biên giới qua lại thăm thân, buôn bán, trao đổi hàng hóa; (vi) Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển mạnh kinh tế cửa khẩu, triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế biên mậu gắn với quy hoạch và ổn định dân cư khu vực biên giới theo Nghị quyết 10/NQ-TW ngày 06/10/2012 của Ban chấp hành Tỉnh ủy. Đầu tư xây dựng hạ tầng thương mại các chợ, trung tâm thương mại, dịch vụ trên địa bàn toàn tỉnh. (vii) Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa của cư dân biên giới tại cửa khẩu, đảm bảo đúng đối tượng, đúng định mức và danh mục hàng hóa; đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn, phòng chống buôn lậu; thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác phòng chống dịch bệnh, dịch cúm tại các cửa khẩu.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu phát triển kinh tế thị trường nói chung và thị trường vùng cao biên giới nói riêng đòi hỏi một cách tiếp cận khoa học và sáng tạo, vừa phải tôn trọng những qui luật phổ biến của nền kinh tế thị trường cả nước, vừa phải tính tới tính đặc thù của vùng cao biên giới vốn rất khó khăn về trình độ phát triển thấp, khó khăn về cơ sở hạ tầng giao thông, kinh tế, xã hội, vừa phức tạp về quốc phòng và an ninh; Trong nghiên cứu hệ thống các yếu tố cấu thành kinh tế thị trường vùng cao biên giới phải tính tới điểm gặp trong tương quan cung/cầu không thể đo đếm được bằng giá cả mà phải thông qua hệ thống chỉ số gián tiếp. Hệ luận tất yếu đó là cơ sở nghiên cứu phát triển kinh tế thị trường vùng cao

biên giới nhằm tạo lập hệ thống các yếu tố cung / cầu, thông qua hàng loạt giải pháp xóa nghèo đa chiều/ xây dựng nông thôn mới/ tái cơ cấu nông lâm nghiệp/ phát triển thương mại biên giới. Nhà nước phát huy vai trò “bà đỡ” cho sự hình thành và phát triển kinh tế thị trường vùng cao. Việc nghiên cứu đặc điểm phổ biến và đặc thù của thị trường vùng cao hứa hẹn đem lại sự phát triển đột phá trong nghiên cứu địa lí kinh tế vùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động thương binh và xã hội, *Vấn đề nghèo đói và xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2001
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Báo cáo tổng hợp đề án quy hoạch phát triển các khu kinh tế cửa khẩu Việt Nam đến năm 2020*. Hà Nội, 2008
3. Ban chỉ đạo Tây Bắc - Ban Kinh tế trung ương - Tỉnh Hà Giang, *Ki yếu Hội thảo phát triển kinh*

tế - xã hội tỉnh Hà Giang trong mối liên kết vùng Đông Bắc/ Tây Bắc, Hà Giang 2015.

4. Hoàng Hữu Bình, *Các dân tộc ở miền núi phía Bắc Việt Nam và môi trường*. Nxb KHXH, Hà Nội 1998.
5. Trung tâm nghiên cứu tài nguyên và môi trường, Đại học quốc gia Hà Nội, *Tạp báo cáo: Phát triển bền vững miền núi Việt Nam- 10 năm nhìn lại và các vấn đề đặt ra*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội 2011.
6. Tô Xuân Dân, Hoàng Xuân Nghĩa, *Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam*, Nxb KHKT, Hà Nội 2007.
7. Vũ Như Vân, *Đột phát từ triết lí phát triển bền vững cho vùng Đông Bắc Việt Nam bằng cách tiếp cận địa lí vùng khó khăn chậm phát triển*. Tạp chí Nghiên cứu phát triển bền vững, 3/ 2008
8. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2015*, Nxb Thống kê, 2016.
9. Lê Thông (chủ biên), *Địa lý các tỉnh và thành phố Việt Nam, tập 2, Các tỉnh vùng Đông Bắc*, Nxb Giáo dục, Hà Nội 2001.

SUMMARY

MARKET PARTICIPATION OF ETHNIC MINORITY IN NORTHEASTERN BORDER ZONE

Tran Viet Khanh^{1*}, Vu Van Anh²

¹Thai Nguyen University, ²University of Education - TNU

This report addresses three issues: (i) general awareness; (ii) Identification of some basic elements of market economy constitutes the border regions; (iii) A number of measures to promote economic development in mountainous area. In the opinion of the authors: Research and development of market economy and market share border areas in particular require a scientific approach to create, moderate, and respect the common rules market economy of the country. Both of which must consider the particular nature of the mountainous border which is very difficult for a low level of development, constraints on transport infrastructure, economic and social; both complex defense and security of political society; The study of popular features and characteristics of the market economy promises upland development research breakthroughs in economic geographical regions towards dynamic and innovative regions.

Keywords: market, border zone, North East, ethnic, minority

Ngày nhận bài: 25/10/2016; Ngày phân biện: 04/11/2016; Ngày duyệt đăng: 31/3/2017

* Tel: 0912 187118